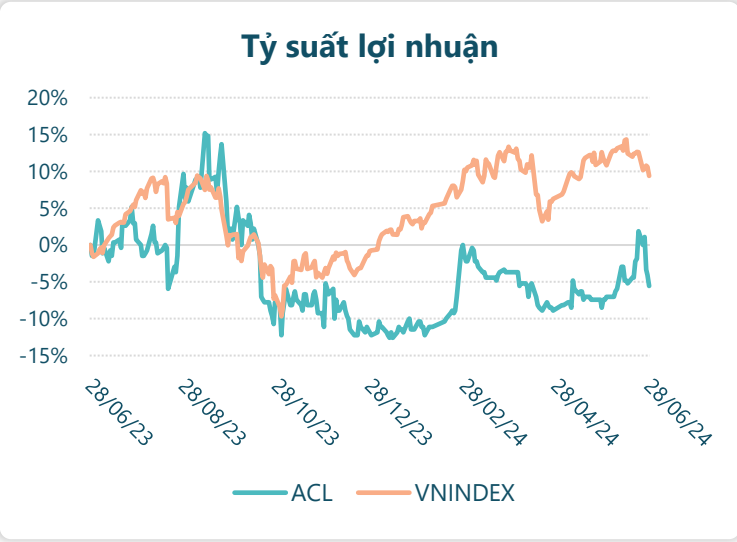


Ngày	12,750 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.6%	-1.9%	7.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,800 - 15,550
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	640
Số lượng CPLH (CP)	50,159,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)	67,985
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	0.22
EPS	231
P/E	55.2



Doanh thu thuần
Q2/24

562

tỷ VNĐ

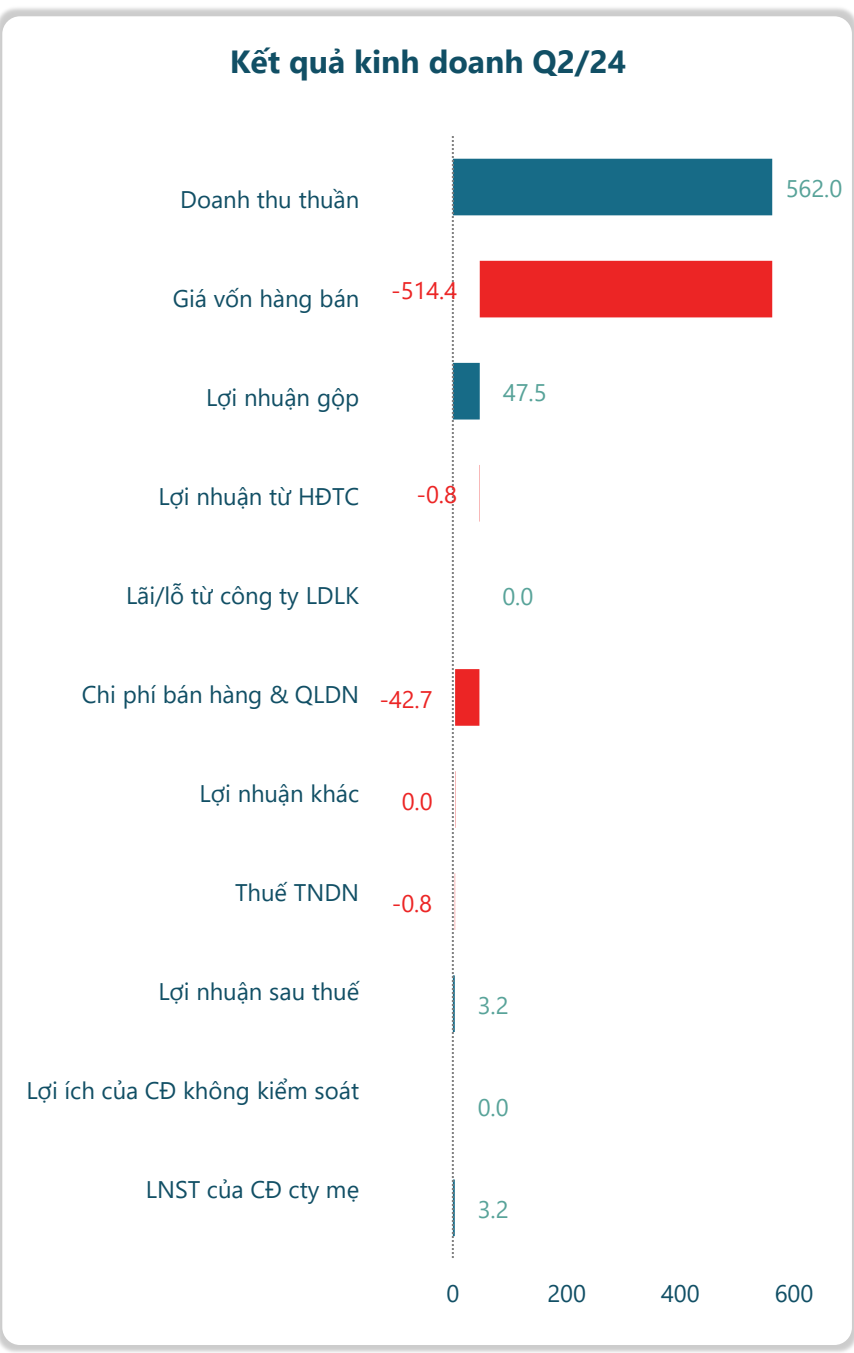
QoQ: ▲ 246 | 77.8%

YoY: ▲ 337 | 150%

Nợ/VCSH
Q2/24

119%

YoY: +/-▲ 7.2%



LN gộp
Q2/24

47.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.20 | 20.9%

YoY: ▲ 7.20 | 17.9%

ROE (TTM)
Q2/24

1.4%

YoY: +/-▼ 0.1%

LN trước thuế
Q2/24

4.01

tỷ VNĐ

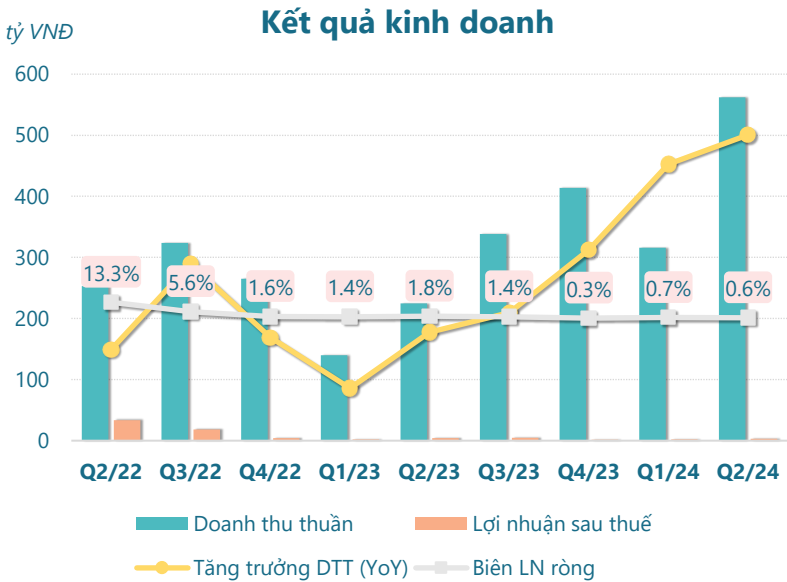
QoQ: ▲ 1.44 | 56.2%

YoY: ▼0.64 | -13.7%

ROA (TTM)
Q2/24

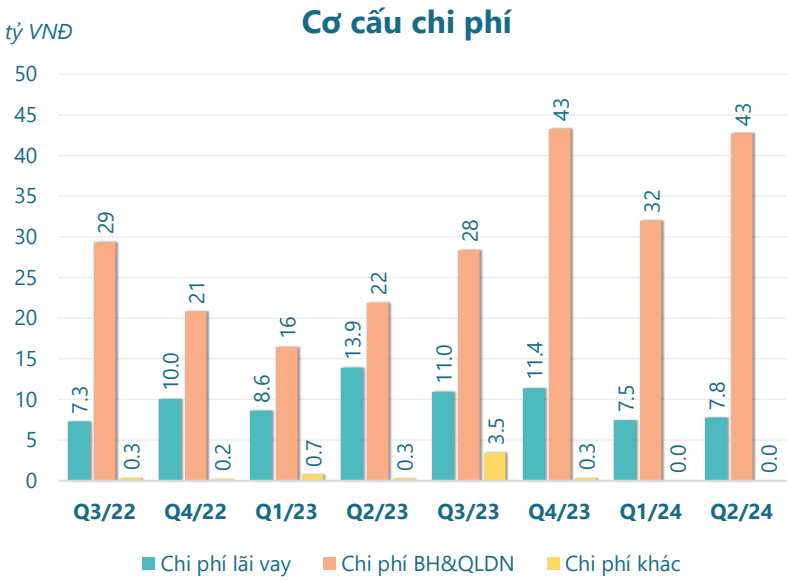
0.7%

YoY: +/-▼ 0.1%



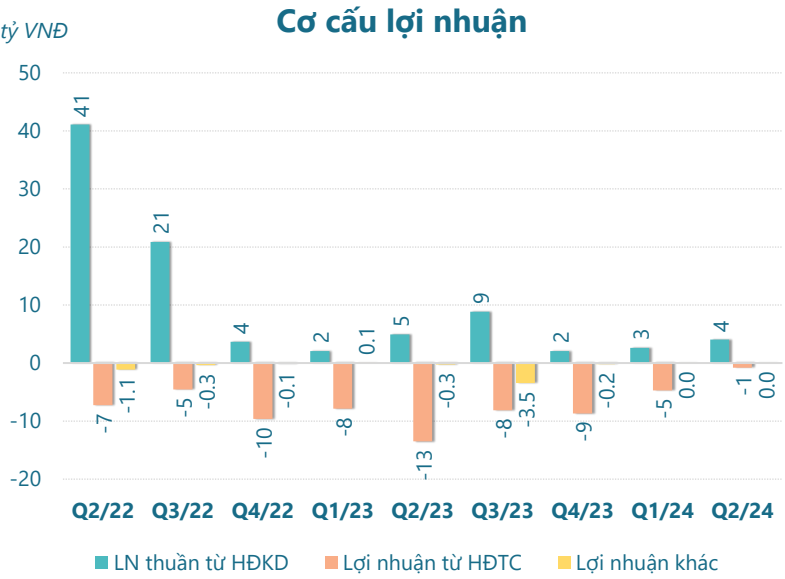
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 4.05 tỷ đồng**, tăng thêm 55.2% so với kỳ trước và thấp hơn 17.7% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.78 tỷ đồng** tăng thêm 3.92 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 12.70 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.03 tỷ đồng** tăng thêm 0.01 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.24 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **ACL** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **562.0 tỷ đồng** tăng thêm **150%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 3.21 tỷ đồng**, **giảm sút 22.3%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **878.0 tỷ đồng** cao hơn 141% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 5.00 tỷ đồng** thấp hơn 16.7% so với cùng kỳ năm trước.



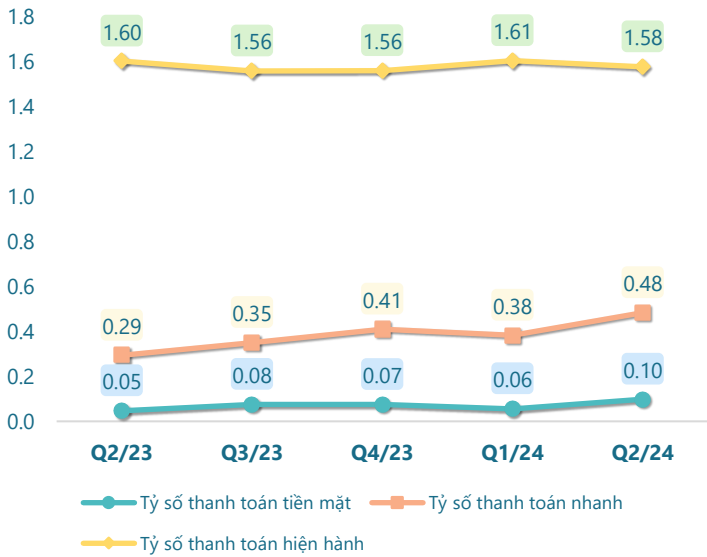
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **7.78 tỷ đồng** tăng thêm 4.29% so với kỳ trước và thấp hơn 44.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **42.70 tỷ đồng** tăng thêm 33.6% so với kỳ trước và cao hơn 95.2% so với cùng kỳ năm trước.

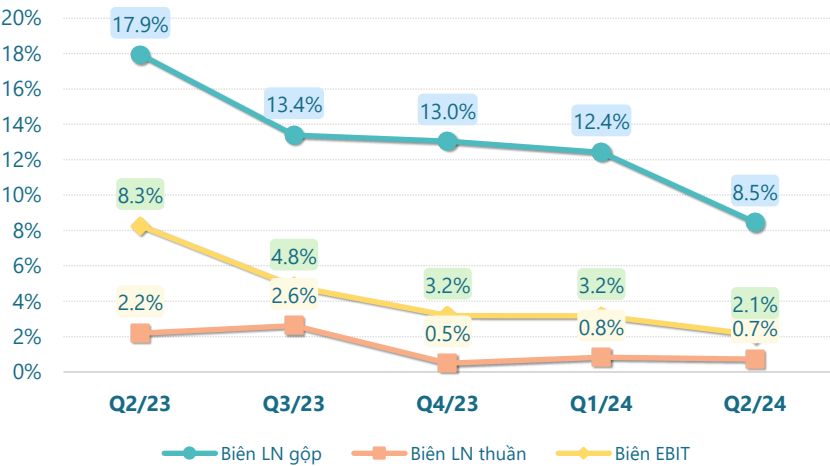
Chi phí khác bằng **0.03 tỷ đồng** giảm đi 25.0% so với kỳ trước và thấp hơn 88.9% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	562	316	77.8%	225	150%	878	364	141%
Giá vốn hàng bán	514	277	85.7%	184	180%	791	298	166%
Lợi nhuận gộp	47.5	39.3	20.9%	40.3	17.9%	86.8	66.6	30.2%
Doanh thu HĐTC	7.13	2.96	141%	0.83	759%	10.1	2.18	363%
Chi phí TC	7.91	7.66	3.3%	14.3	-44.7%	15.6	23.5	-33.8%
Chi phí lãi vay	7.78	7.46	4.3%	13.9	-44.0%	15.2	22.5	-32.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	28.3	21.0	34.8%	12.4	128%	49.3	22.2	122%
Chi phí QLDN	14.4	10.9	32.0%	9.51	51.3%	25.3	16.1	56.9%
LN thuần từ HĐKD	4.05	2.61	55.0%	4.92	-17.8%	6.66	6.97	-4.4%
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.04	21.8%	-0.27	88.4%	-0.08	-0.19	59.9%
LN trước thuế	4.01	2.57	56.2%	4.65	-13.7%	6.58	6.78	-2.9%
Lợi nhuận sau thuế	3.21	2.27	41.5%	4.13	-22.2%	5.49	6.02	-8.9%
LNST của CĐ cty mẹ	3.21	2.27	41.5%	4.13	-22.2%	5.49	6.02	-8.9%

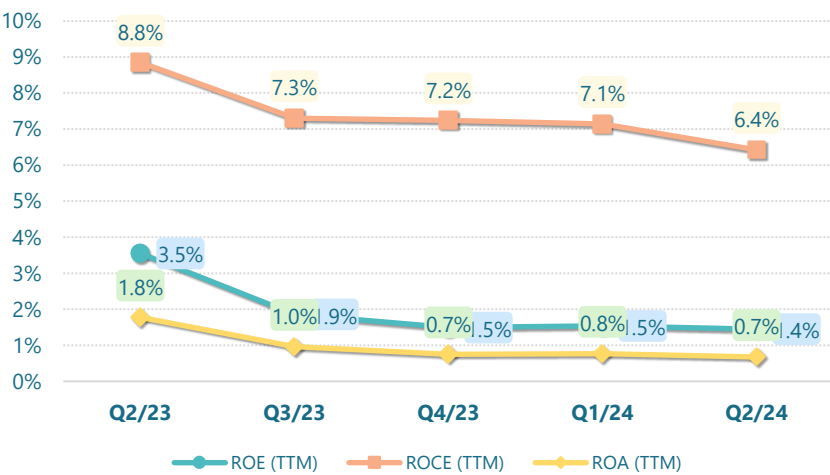
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

